

Số: 968/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 18 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 885/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Minh C, sinh năm 1961 và bà Văn Thị Thanh T; sinh năm 1960.
Cùng địa chỉ: Số M đường N, Phường B, quận G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa Ông Phạm Minh C và bà Văn Thị Thanh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 37/2002, ngày 04/4/2002 tại UBND Phường B, quận G.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 07/7/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/8/2020, Ông Phạm Minh C và bà Văn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Không có.

-Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông C và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Phạm Minh C và bà Văn Thị Thanh T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2002, ngày 04/4/2002 tại UBND Phường B, quận G, hết hiệu lực.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Minh C và bà Văn Thị Thanh T phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0026621 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.GV
- UBND P 7, QGV
- CCTHADS Q.GV;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thùy Trang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].